

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 343/2023/HS-ST
Ngày 28-09-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Tú Nhi.
- Ông Nguyễn Đức Lợi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 310/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 473/2023/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1997 tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: **thôn Q, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Số H khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông **Lê Văn V**, sinh năm 1970 và bà **Nguyễn Thị V1**, sinh năm 1973; Bị cáo có 02 em lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/6/2023 cho đến nay, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Người bị hại: Chị **Lê Thị Yến N**, sinh năm 2001; thường trú: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**; tạm trú: **Số F, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Lương Văn T1**, sinh năm 1982; thường trú: **Xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh**; tạm trú: **Phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông **Phạm Đăng H**, sinh năm 1993, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, **Lê Văn T** làm quen với chị **Lê Thị Yến N** qua mạng xã hội **L** và lấy tên “Hoàng Tú” để nhắn tin nói chuyện với chị **N**, sau nhiều lần

nói chuyện với nhau thì T hẹn chị N đi ăn, chị N đồng ý và gửi định vị nhà trọ cho T. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển số 84L1-468.99 đến nhà trọ của chị N tại địa chỉ số E khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, để chở chị N đi ăn.

Sau khi ăn xong, đến khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, chị N nhờ T chở đi mua quần áo thì T đồng ý. Lúc này, T chở chị N đến Shop quần áo H2 tại số C đường N, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Khi vào bên trong Shop quần áo, T lấy nhiều quần áo cho chị N vào trong phòng thay đồ để mặc thử. Khi thay quần áo thì chị N để chiếc áo khoác đang mặc treo ở bên ngoài, túi áo bên trái có để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen C53-128GB lộ ra ngoài nên T đi tới chỗ treo áo khoác của chị N lấy chiếc điện thoại Realme màu đen C53-128GB, rồi bật chế độ máy bay và cất điện thoại vào túi quần của T và lên xe máy tẩu thoát. Đến ngày 17 tháng 6 năm 2023, T mang điện thoại của chị N đến tiệm sửa điện thoại Duy H1 gần nhà T để phá khóa và được chủ tiệm điện thoại hẹn Trà đến chiều ngày 18/6/2023 quay lại lấy.

Đến khoảng 15 giờ 00 phút ngày 18 tháng 6 năm 2023 chị N phát hiện Trà trên địa bàn phường B, thành phố T nên trình báo đến Công an phường B, thành phố T mời Trà về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Công an, T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Công an phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp nhận tin báo về tội phạm và xác định vụ việc xảy ra trên địa bàn phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên chuyển vụ việc đến Công an phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương lập biên bản tiếp nhận người phạm tội đầu thú và lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương xử lý theo thẩm quyền.

Căn cứ bản kết luận định giá số 112/BBĐG-HĐĐGTS ngày 26/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D kết luận 01 cái Điện thoại di động nhãn hiệu Realme C53-128GB, màu đen (đã qua sử dụng), trị giá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ:

- 01 Điện thoại nhãn hiệu Realme C53-128GB, màu đen (đã qua sử dụng);
- 01 xe mô tô Honda Wave màu đen biển số 84L1 – 468.99, số khung: 3909HY546945, số máy: JA39E0522141;
- 01 (một) USB nhãn hiệu TOSHIBA, màu trắng, dung lượng 4GB (lưu trong hồ sơ vụ án).

Xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C53-128GB màu đen đây là tài sản của chị Lê Thị Yến N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại cho chị N

- Đối với xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển số 84L1 – 468.99, số khung: 3909HY546945, số máy: JA39E0522141 là của anh Lương Văn T1. Anh T2 cho T mượn làm phương tiện đi lại. Việc T dùng xe của anh T2 làm phương tiện phạm tội thì anh T2 không biết nên Cơ quan điều tra giao trả lại cho anh T2.

Trách nhiệm dân sự: Chị N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường.

Tại cáo trạng số 321/CT ngày 28 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo **Lê Văn T** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quyết định truy tố về tội Trộm cắp tài sản đối với bị cáo. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; **điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 08 tháng tù và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.**

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố D**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 16/6/2023, tại shop quần áo **H**, địa chỉ: **Số C, Ngõ Đức T3, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương**, bị cáo **Lê Văn T** lợi dụng lúc chị **Lê Thị Yến N** thử quần áo, không để ý đã lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C53-128GB màu đen, trị giá 3.500.000 đồng của chị **Lê Thị Yến N** để trong túi áo khoác. Như vậy, hành vi của bị cáo **Lê Văn T** đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng số 321/CT - VKS ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người phạm tội đầu thú và người bị có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi đã cố tình thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để

giáo dục, cải tạo các bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung. Tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, sau khi phạm tội đã có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Người phạm tội đầu thú và bị có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất khung hình phạt của khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[7.1] Xét: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C53-128GB màu đen của chị **N**, Cơ quan điều tra tiến hành giao trả lại cho chị **N** là đúng theo quy định.

[7.2] Xét: Đối với xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển số 84L1 – 468.99, số khung: 3909HY546945, số máy: JA39E0522141 là của anh **Lương Văn T1**, anh **T1** cho bị cáo Trà mượn làm phương tiện đi lại. Việc **T** dùng xe của anh **T1** làm phương tiện phạm tội thì anh **T1** không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố D** đã trả lại xe cho anh **Lương Văn T4** là đúng pháp luật

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Xét Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ là phù hợp nên được chấp nhận. Về mức hình phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc, do vậy Hội đồng xét xử xử phạt mức hình phạt đối với bị cáo thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Văn T** phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T** 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2023.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Lê Văn T** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- Người có QL, NV LQ (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Công an thành phố Dĩ An (02);
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND phường Dĩ An,
thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Thị Uyên